

Bài 42: Ánh trăng

- Nguyễn Duy -

I. Kiến thức cần nhớ

- Nguyễn Duy sinh năm 1948 tên thật là Nguyễn Duy Nhuệ, quê ở Thanh Hóa. Ông thuộc thế hệ nhà thơ quân đội trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

- Bài thơ Ánh trăng được sáng tác năm 1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh. (Ba năm sau ngày kết thúc chiến tranh, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.) Khi hòa bình được lập lại, sống giữa những tiện nghi hiện đại, không ít người đã quên đi những khó khăn, gian nan của một thời, những ân tình của quá khứ sâu nặng. Trước hiện thực ấy, Nguyễn Du đã sáng tác bài thơ Ánh trăng để nhắc nhở, thức tỉnh con người thái độ sống ân nghĩa thủy chung, uống nước nhớ nguồn.

- Với giọng điệu tâm tình tự nhiên, hình ảnh giàu tính biểu cảm, Ánh trăng của Nguyễn Duy như một lời nhắc nhở về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước bình dị, hiền hậu. Hình ảnh vầng trăng trở thành hình ảnh trung tâm vừa là hình ảnh thật, là tri âm, tri kỉ của nhà thơ lại vừa có ý nghĩa biểu tượng cho thiên nhiên, quá khứ, nhân dân. Bài thơ tái hiện hai cảm xúc hai trạng thái cảm xúc khác nhau trong hoàn cảnh điển hình để rút ra bài học về lẽ sống của con người.

II. Soạn bài

Bài 1.

- Bố cục của bài thơ có thể chia làm bốn phần:

+ Khổ 1 và khổ 2: Cảm nghĩ về vầng trăng trong quá khứ.

+ Khổ 3 và khổ 4: Cảm nghĩ về vầng trăng trong hiện tại.

+ Khổ 5 và khổ 6: Sự chiêm nghiệm, suy tư của tác giả.

- Bố cục của bài thơ được triển khai theo dòng cảm xúc của tác giả, trong đó vầng trăng là hình ảnh xuyên suốt toàn bài thơ. Bước ngoặt điện tắt – trăng sáng là bước ngoặt để tác giả bộc lộ cảm xúc, bộc lộ chủ đề của tác phẩm. Bước ngoặt ở đây tự nhiên, thúc đẩy mạch thơ phát triển.

Bài 2.

- Trong bài thơ này, vầng trăng mang nhiều tầng ý nghĩa. Vầng trăng biểu tượng cho cuộc sống bình dị, hiền hòa, tình nghĩa của con người với thiên nhiên, đất nước. Với nhân vật trữ tình, vầng trăng là người bạn tri kỉ gắn liền với những năm tháng gian lao mà đẹp đẽ trong cuộc đời. Do đó, vầng trăng chính là hình ảnh thủy chung, vẹn tròn của quá khứ nghĩa tình mà người lính đã lãng quên.

- Khổ thơ cuối cùng thể hiện tập trung nhất ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng, chiều sâu tư tưởng của tác phẩm. Vầng trăng vẫn vẹn nguyên: “*Trăng cứ tròn vành vạnh*” sau bao năm tháng, chỉ có lòng người đổi thay coi trăng là “*người đung qua đòng*”. Trước thái độ đổi thay của lòng người, ánh trăng không một lời trách móc, vẫn độ lượng tha thứ: “*ánh trăng im phăng phắc/ đủ cho ta giạt mình*”. Sự “*giạt mình*” ấy chính là sự thức tỉnh để hướng tới một lối sống, thái độ sống đúng đắn.

Bài 3.

- Bài thơ giống như một câu chuyện nhỏ với kết cấu độc đáo theo trình tự thời gian trải dài từ quá khứ đến thực tại. Kết cấu ấy có sự đối lập giữa một quá khứ thủy chung, nghĩa tình với một thực tại quên lãng, bị cuốn vào cuộc sống hiện đại.

- Giọng điệu của bài thơ là giọng tâm tình tự nhiên của tác giả viết về cuộc sống riêng tư của mình như một lời nhắc nhở, đồng thời cũng là một sự sẻ chia, gọi nhắc với mọi người. Trong dòng diễn biến theo thời gian, sự việc bất thường trong khổ 4 đã dẫn đến giọng điệu ăn năn, xúc động trong khổ 5 và giọng điệu nghiêm trang, tự phán xét trong lòng tác giả ở khổ 6.

Bài 4.

Bài thơ được Nguyễn Duy viết vào năm 1978, khi ông đang sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh. Vào thời điểm đó, sau khi rời khỏi bom đạn, chiến trường, trong cuộc sống tiện nghi “*ánh điện, cửa gương*”, có những người đã quên đi nghĩa tình một thời đã qua. Nguyễn Duy viết bài thơ như một lời nhắc nhở người đọc về đạo lí, lẽ sống của dân tộc: “*Uống nước nhớ nguồn*”, “*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*”.